

Số: 1435 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 04 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển vào đại học hệ chính quy
Trường Đại học Vinh đợt 1 năm 2017**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT, ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-ĐHV, ngày 26/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2017;

Căn cứ Thông báo số 115/TB-ĐHV, ngày 31/7/2017 của Trường Đại học Vinh về việc thông báo điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-ĐHV, ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 4.653 thí sinh trúng tuyển vào đại học hệ chính quy Trường Đại học Vinh đợt 1 năm 2017 theo các mã ngành đã đăng ký (có danh sách kèm theo), trong đó:

TT	Mã ngành	Tên ngành đăng ký	Điểm chuẩn	Số lượng
1.	52340101	Quản trị kinh doanh	15.5	220
2.	52340201	Tài chính ngân hàng	15.5	85
3.	52340301	Kế toán	15.5	601
4.	52310101	Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	15.5	47
5.	52620115	Kinh tế nông nghiệp	15.5	7
6.	52340201_1	Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	15.5	4
7.	52340201_2	Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng thương mại)	15.5	1
8.	52510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	15.5	113
9.	52520207	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	15.5	10
10.	52520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	15.5	62
11.	52580208	Kỹ thuật xây dựng	15.5	85
12.	52580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	15.5	19

13.	52580202	Kỹ thuật công trình thủy	15.5	3
14.	52540101	Công nghệ thực phẩm	15.5	99
15.	52510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chuyên ngành hóa dược)	15.5	1
16.	52480201	Công nghệ thông tin	15.5	264
17.	52620109	Nông học	15.5	5
18.	52620301	Nuôi trồng thủy sản	15.5	15
19.	52440301	Khoa học môi trường	15.5	7
20.	52850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	15.5	9
21.	52850103	Quản lý Đất đai	15.5	4
22.	52620102	Khuyến nông	15.5	3
23.	52620105	Chăn nuôi	15.5	12
24.	52420201	Công nghệ sinh học	15.5	4
25.	52310201	Chính trị học	15.5	19
26.	52220342	Quản lý văn hóa	15.5	31
27.	52220113	Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch)	15.5	305
28.	52140114	Quản lý giáo dục	15.5	45
29.	52760101	Công tác xã hội	15.5	122
30.	52320101	Báo chí	15.5	136
31.	52380101	Luật	15.5	569
32.	52380107	Luật kinh tế	15.5	433
33.	52310201_1	Chính trị học (chuyên ngành Chính sách)	15.5	1
34.	52310205	Quản lý nhà nước	15.5	0
35.	52140209	Sư phạm Toán học	15.5	135
36.	52140210	Sư phạm Tin học	15.5	2
37.	52140211	Sư phạm Vật lý	15.5	12
38.	52140212	Sư phạm Hóa học	15.5	19
39.	52140213	Sư phạm Sinh học	15.5	7
40.	52140217	Sư phạm Ngữ văn	15.5	122
41.	52140218	Sư phạm Lịch sử	15.5	35
42.	52140219	Sư phạm Địa lý	15.5	67
43.	52140205	Giáo dục chính trị	15.5	20
44.	52140202	Giáo dục Tiểu học	22.0	191
45.	52140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	15.5	51
46.	52140201	Giáo dục Mầm non	27.0	196
47.	52140206	Giáo dục Thể chất	20.0	15
48.	52140231	Sư phạm tiếng Anh	24.0	151
49.	52220201	Ngôn ngữ Anh	20.0	289
Cộng:				4.653

Điều 2. Các đơn vị: Đào tạo, CTCT-HSSV, Kế hoạch - Tài chính; các khoa, viện và các đơn vị liên quan có trách nhiệm đón tiếp, làm thủ tục nhập học cho thí sinh đã trúng tuyển.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, CTCT-HSSV, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính
Tổng hợp; các khoa, viện; các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: HCTH, ĐT


GS.TS. Đinh Xuân Khoa

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2017
(Kèm theo quyết định số 14/ĐC/QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)
 (Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia năm 2017)

STT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm
1	29011862	TRẦN THỊ VUI	187706460	12/06/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	24.75
2	30007822	NGUYỄN THỊ HIỀN	184367077	26/10/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	24.25
3	29028555	ĐÀO THỊ NĂM	187744779	06/11/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	23.25
4	29017597	VŨ THUY HÀ TRANG	187850345	26/02/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	22.75
5	29011798	TRẦN THỊ VÂN THÚ	187802375	06/10/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	2	21.5
6	29014793	KÀ THỊ HỒNG	187551264	19/08/1997	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	21.25
7	29009249	TRẦN THỊ ÁI QUYÊN	187589013	08/01/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	2	21.25
8	34014776	HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC	206339977	06/04/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	4	21
9	30015091	NGUYỄN THỊ VÂN	184370965	29/11/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	20.5
10	30009045	PHAN THỊ THANH TÂM	184353090	27/02/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	20.25
11	30014501	TRẦN THỊ HẰNG	184344925	24/06/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	20.25
12	29010579	ĐẶNG THỊ YẾN NHI	187577998	14/04/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	20
13	29027519	HOÀNG THỊ DƯƠNG OANH	187801696	18/03/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	20
14	29001306	PHẠM THỊ HÀ	187823126	03/01/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	19.75
15	29005853	PHAN THỊ QUỲ	187788129	27/07/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	19.5
16	29020177	NGÔ THỊ THANH TÚ	187767998	02/05/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	19.25
17	29012101	ĐINH THỊ THANH HUỖN	187762832	24/11/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	19
18	29008791	HOÀNG THỊ LAM	187811546	07/06/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	18.5
19	29008647	NGUYỄN THỊ THANH DỊU	187709714	22/12/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	4	18.25
20	01047113	LÝ Y GIỎ	187693550	08/03/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	18.25
21	29015575	ĐÀO THỊ HẰNG	187850057	01/05/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	18
22	29002438	ĐƯƠNG THỊ KHÁNH	187689052	04/01/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	18
23	29007652	ĐINH THỊ THANH HUỖN	187594059	23/10/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	18
24	29011942	CHU MINH CHIẾN	187587316	01/10/1999	Nam	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	18
25	29000283	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUỖN	187822955	10/03/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	17.75
26	29002301	BÙI THỊ GIANG	187777227	25/11/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	2	17.75
27	29026928	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	187842751	30/09/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	4	17.75
28	29010843	NGUYỄN THỊ HẢI DUYỄN	187759254	12/04/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	17.75
29	30006012	NGUYỄN THỊ THUY TRINH	184358606	28/08/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	17.25
30	29007742	LÊ THỊ SƯƠNG	187804322	15/12/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	17
31	30009099	NGUYỄN THỊ THUY	184374331	19/08/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	17
32	29004057	NGÔ THỊ NHÀN	187624740	18/02/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	16.5
33	29027520	HOÀNG THỊ LAM OANH	187691240	16/04/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	1	16.5
34	29024623	NGUYỄN THỊ MAI TRANG	187819602	07/10/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	16.5
35	30009651	VÕ THỊ HỒNG NHUNG	184373205	10/12/1999	Nữ	52140114	Quản lý giáo dục	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2	16.5

653	29004238	LE VAN HUA	187624114	11/05/1997	Nam	52140209	Sư phạm Toán học	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	1	15.5
654	29028591	TRẦN THỊ OANH	187808432	18/10/1999	Nữ	52140210	Sư phạm Tin học	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	3	17.25
655	29022128	PHAN THỊ MINH	187639474	25/07/1997	Nữ	52140210	Sư phạm Tin học	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	2	16.25
656	29023616	NGUYỄN CHÍ BẢO	187842148	25/02/1999	Nam	52140211	Sư phạm Vật lý	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	2	25.25
657	30010320	PHAN THỊ NGOC ANH	184357852	22/12/1999	Nữ	52140211	Sư phạm Vật lý	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	1	23.75
658	29009029	HÀ MINH QUÂN	18709835	18/01/1998	Nam	52140211	Sư phạm Vật lý	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	4	22.5
659	29013843	LÔ VĂN THIÊN	187627904	26/02/1997	Nam	52140211	Sư phạm Vật lý	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	2	21.75
660	38011063	TRẦN THỊ THU HÀ	231210675	19/07/1999	Nữ	52140211	Sư phạm Vật lý	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	3	19.5
661	29009097	DÀNG THUY GIANG	187589573	29/07/1999	Nữ	52140211	Sư phạm Vật lý	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	1	19
662	31002490	TRẦN BÌNH DIỆP	038199006099	05/11/1999	Nữ	52140211	Sư phạm Vật lý	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	4	18.5
663	29013382	TRẦN THỊ THƯƠNG THƯƠNG	187662635	03/03/1999	Nữ	52140211	Sư phạm Vật lý	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	2	17.75
664	40021448	PHAN HỮU THẢO	241692912	02/07/1998	Nam	52140211	Sư phạm Vật lý	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	2	17.75
665	29012710	LÊ VIỆT ĐỨC	187814735	13/12/1999	Nam	52140211	Sư phạm Vật lý	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	2	17.25
666	29014754	SÂM NGOC BÌNH	187558676	01/05/1998	Nam	52140211	Sư phạm Vật lý	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	1	16.75
667	29008055	NGUYỄN THỊ DUYỀN	187593881	19/07/1998	Nữ	52140211	Sư phạm Vật lý	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	1	16.25
668	29026524	DÀNG THỊ THANH THUY	187802363	18/03/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	2	24
669	29010036	HỒ THỊ TÚ ANH	187709114	28/07/1998	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	1	23.5
670	29009982	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	187813294	13/07/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	1	23
671	30004717	NGUYỄN THỊ QUỲNH DƯƠNG	184340016	29/11/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	5	21.5
672	29003416	LA KHÁNH HUỖN	187568136	07/08/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	2	21.25
673	29010818	LÊ THỊ NGOC ANH	187801765	03/11/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	1	20.75
674	29013126	HỒ THỊ HẠNH	187587128	26/03/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	4	20.25
675	29003353	NGUYỄN THỊ NGOC ANH	187738318	11/07/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	1	20
676	29010966	LÊ THỊ THUY MƠ	187705870	17/04/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	1	19.25
677	30007594	PHAN THỊ THUONG	184354702	04/02/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	1	19
678	29022203	NGUYỄN LINH CHÍ	187718073	05/09/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	5	19
679	29003532	TRẦN THỊ TRÁ	187569542	17/06/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	2	17.5
680	29013481	NGUYỄN THỊ LINH CHÍ	187831102	04/06/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	2	17.25

STT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Tên tổ hợp	Điểm
681	29009650	HOÀNG THỊ KHÁNH HUYỀN	187710717	07/04/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	Toán, Hóa học, Sinh học	1
682	29022316	LÊ THỊ THỤ	038199007228	04/11/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	Toán, Vật lý, Hóa học	1
683	29022393	VÕ THỊ CẨM NHUNG	187796311	11/03/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	Toán, Vật lý, Hóa học	1
684	29007422	PHAN THỊ THƯỜNG	187592812	06/12/1999	Nữ	52140212	Sư phạm Hóa học	Toán, Hóa học, Sinh học	3
685	29014814	HOÀNG HỒ LÝ	187683800	27/05/1997	Nam	52140212	Sư phạm Hóa học	Toán, Vật lý, Hóa học	2
686	29023985	LÊ HOÀNG QUẢN	187759921	01/06/1999	Nam	52140212	Sư phạm Hóa học	Toán, Vật lý, Hóa học	2
687	35012419	NGUYỄN THỊ CẨM GIANG	212567063	12/01/1991	Nữ	52140213	Sư phạm Sinh học	Toán, Hóa học, Sinh học	1
688	29018133	BUI THỊ QUỲNH	187754775	06/08/1999	Nữ	52140213	Sư phạm Sinh học	Toán, Hóa học, Sinh học	3
689	29007202	HOÀNG THỊ KIM ANH	187803984	14/08/1999	Nữ	52140213	Sư phạm Sinh học	Toán, Hóa học, Sinh học	1
690	29020828	DƯƠNG THỊ THỤY	187671317	18/06/1999	Nữ	52140213	Sư phạm Sinh học	Toán, Hóa học, Sinh học	1
691	29007221	BUI THỊ THANH BÌNH	187804196	27/10/1999	Nữ	52140213	Sư phạm Sinh học	Toán, Hóa học, Sinh học	4
692	29017737	LÊ THỊ MINH PHỤNG	187748310	30/09/1998	Nữ	52140213	Sư phạm Sinh học	Toán, Hóa học, Sinh học	1
693	29028630	LÊ THỊ SEN	187807031	15/05/1999	Nữ	52140213	Sư phạm Sinh học	Toán, Hóa học, Sinh học	1
694	28016963	TRẦN THỊ TRANG	038198001195	16/06/1998	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	3
695	29022569	NGUYỄN THỊ TRANG	187792369	26/08/1998	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	2
696	29015912	HỒ HOÀNG THÁI BẢO	187750346	17/12/1998	Nam	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	2
697	29000556	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	187822313	01/03/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	3
698	29010493	PHÙNG NỮ MAI LINH	187847998	13/06/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
699	29019542	NGUYỄN NHẬT LINH	187768917	01/06/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	4
700	30010889	NGUYỄN THUY NGA	184372522	27/03/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
701	29026693	HOÀNG VĂN THÔNG	187315315	29/01/1993	Nam	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	2
702	29017134	NGUYỄN THỊ DIỆP	187850221	10/09/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	3
703	29022920	TRẦN THỊ NGỌC	187796607	03/07/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	2
704	28012985	NGUYỄN THUY TRANG	038199007184	17/08/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
705	30010423	BUI THỊ LAN HƯƠNG	184357432	12/06/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
706	29000510	THÁI BÁ SƠN	187730779	15/11/1999	Nam	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	4
707	29018340	NGUYỄN THỊ LÂM ANH	187814877	25/11/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	4
708	29019916	MANH THỊ OANH	187768158	02/03/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
709	29027525	UÔNG THỊ OANH	187704774	22/10/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	2
710	29004126	CHU THỊ HOÀI SANG	187789651	11/06/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	4
711	29003250	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	187770846	11/12/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	2
712	29015625	TRẦN THỊ HOA	187752668	08/06/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	3
713	29019134	HỒ HỮU HÙNG	187254690	20/01/1996	Nam	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	3
714	29002415	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	187689081	10/08/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
715	29029406	HOÀNG THỊ TRINH	187526876	20/02/1997	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
716	30010542	CAO THỊ TRANG	184262505	20/02/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	2
717	29018707	ĐẶNG THỊ THU SƯƠNG	187586852	07/08/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
718	29028320	NGUYỄN THỊ DUNG	187744867	16/01/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	2
719	30010444	TRẦN THỊ LINH	184372234	02/12/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
720	29015253	SÁM THỊ TRANG	187556310	02/02/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
721	29015272	LƯƠNG THỊ LAN TRINH	187641013	21/11/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
722	30015089	NGUYỄN THỊ THUY VÂN	184375117	12/08/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1
723	29011180	LÊ THỊ TÚ UYÊN	187802017	28/02/1999	Nữ	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	3

4637	29024918	NGUYỄN NGỌC ANH	187640285	13/09/1999	Nam	52850101	Quản lý tài nguyên và MT	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	2	18.75
4638	29019595	PHAN THỊ MAI	187766675	11/01/1999	Nữ	52850101	Quản lý tài nguyên và MT	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	18.25
4639	29025616	LƯƠNG ANH SAO	187636636	18/10/1999	Nam	52850101	Quản lý tài nguyên và MT	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	2	16.5
4640	29008472	VÀ BÁ TRÔNG	187783588	12/01/1999	Nam	52850101	Quản lý tài nguyên và MT	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	4	16.25
4641	29018515	NGUYỄN THỊ HUỖN	187755408	15/09/1999	Nữ	52850101	Quản lý tài nguyên và MT	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	2	16
4642	29023535	HOÀNG THỊ KHÁNH AN	187758895	24/06/1999	Nữ	52850101	Quản lý tài nguyên và MT	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	4	15.75
4643	29020411	DƯƠNG THỊ PHƯỢNG	187726015	21/12/1999	Nữ	52850103	Quản lý đất đai	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	1	15.5
4644	36003814	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	233265825	04/12/1999	Nữ	52850103	Quản lý đất đai	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	3	19
4645	29012565	TRẦN THỊ HIỀN	187761921	12/02/1998	Nữ	52850103	Quản lý đất đai	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	16.25
4646	29002024	THAI THỊ NGÀ	187823333	28/06/1999	Nữ	52850103	Quản lý đất đai	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	1	15.75
4647	29010816	HOÀNG THỊ LAN ANH	187818418	13/12/1999	Nữ	52850103	Quản lý đất đai	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	5	15.5
4648	29020622	TRƯƠNG VĂN GIÁP	187671304	16/02/1999	Nam	52310201_1	Chính trị học (chuyên ngành Chính sách)	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	1	23
4649	29012679	NGUYỄN CẢNH DŨNG	187814149	30/09/1999	Nam	52340201_1	Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	6	20.5
4650	29003206	LÊ ĐÌNH NAM	187569563	28/09/1999	Nam	52340201_1	Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	3	19.5
4651	29012490	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	187760597	22/04/1999	Nữ	52340201_1	Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	17.75
4652	29027546	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	187690750	20/11/1999	Nam	52340201_1	Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	17.25
4653	30004866	NGÔ THỊ LINH	184340925	20/10/1999	Nữ	52340201_2	Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng thương mại)	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	1	17

Danh sách gồm 453 thí sinh



TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

(Signature)

TS. Trần Bá Tiến

GS. TS. Đinh Xuân Khoa

Nghệ An, ngày 01 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Signature)

Ths. Lê Văn Tấn